

**Phụ lục II**

| <b>BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÔNG AN XÃ BÁN CHUYÊN TRÁCH TIẾP TỤC CÔNG TÁC THEO NGHỊ QUYẾT MỚI</b> |                          |                               |                                |                                                                             |                                                                                  |                 |                                                                |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                                 |                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TT</b>                                                                                                  | <b>Tên huyện, thị xã</b> | <b>Số lượng CA xã hiện có</b> | <b>Số CA xã bố trí theo NQ</b> | <b>Mức chi hiện tại 01 CAV/tháng (0,7x1.800)+(19%x0,7x1.800) =1.499,400</b> | <b>Mức chi 01 CAV/tháng theo Nghị quyết (2.520.000+234.000+54.000)=2.808.000</b> | <b>12 tháng</b> | <b>Tổng số tiền chi trong 01 năm theo mức phụ cấp hiện tại</b> | <b>Dự toán kinh phí chi phụ cấp CAV thôn trong 01 năm tính theo quân số hiện có khi áp dụng mức chi NQ mới</b> | <b>Dự toán kinh phí chi phụ cấp cho CAV thôn trong 01 năm khi bố trí đủ quân số và thực hiện mức chi theo NQ mới</b> | <b>Số kinh phí tăng thêm khi thực hiện Nghị quyết mới (tính theo số lượng CAV thôn hiện có)</b> | <b>Số kinh phí tăng thêm khi thực hiện Nghị quyết mới (tính theo số lượng CAV thôn khi kiện toàn đủ số lượng theo Nghị quyết)</b> |
|                                                                                                            |                          | <b>Người</b>                  | <b>Người</b>                   | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                            | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                                 |                 | <b>Nghìn VNĐ</b>                                               | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                                                               | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                                                                     | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                                                | <b>Nghìn VNĐ</b>                                                                                                                  |
|                                                                                                            |                          | <b>1</b>                      | <b>2</b>                       | <b>3</b>                                                                    | <b>4</b>                                                                         | <b>5</b>        | <b>6=1x3x5</b>                                                 | <b>7=1x4x5</b>                                                                                                 | <b>8=2x4x5</b>                                                                                                       | <b>9=7-6</b>                                                                                    | <b>10=8-6</b>                                                                                                                     |
| 1                                                                                                          | Thanh Oai                | 222                           | 221                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,994,401.600                                                  | 7,480,512.000                                                                                                  | 7,446,816.000                                                                                                        | 3,486,110.400                                                                                   | 3,452,414.400                                                                                                                     |
| 2                                                                                                          | Mê Linh                  | 134                           | 157                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 2,411,035.200                                                  | 4,515,264.000                                                                                                  | 5,290,272.000                                                                                                        | 2,104,228.800                                                                                   | 2,879,236.800                                                                                                                     |
| 3                                                                                                          | Đông Anh                 | 220                           | 312                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,958,416.000                                                  | 7,413,120.000                                                                                                  | 10,513,152.000                                                                                                       | 3,454,704.000                                                                                   | 6,554,736.000                                                                                                                     |
| 4                                                                                                          | Sóc Sơn                  | 366                           | 366                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 6,585,364.800                                                  | 12,332,736.000                                                                                                 | 12,332,736.000                                                                                                       | 5,747,371.200                                                                                   | 5,747,371.200                                                                                                                     |
| 5                                                                                                          | Thạch Thất               | 211                           | 244                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,796,480.800                                                  | 7,109,856.000                                                                                                  | 8,221,824.000                                                                                                        | 3,313,375.200                                                                                   | 4,425,343.200                                                                                                                     |
| 6                                                                                                          | Ba Vì                    | 371                           | 383                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 6,675,328.800                                                  | 12,501,216.000                                                                                                 | 12,905,568.000                                                                                                       | 5,825,887.200                                                                                   | 6,230,239.200                                                                                                                     |
| 7                                                                                                          | Phúc Thọ                 | 175                           | 312                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,148,740.000                                                  | 5,896,800.000                                                                                                  | 10,513,152.000                                                                                                       | 2,748,060.000                                                                                   | 7,364,412.000                                                                                                                     |
| 8                                                                                                          | Đan Phượng               | 170                           | 246                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,058,776.000                                                  | 5,728,320.000                                                                                                  | 8,289,216.000                                                                                                        | 2,669,544.000                                                                                   | 5,230,440.000                                                                                                                     |
| 9                                                                                                          | Quốc Oai                 | 144                           | 164                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 2,590,963.200                                                  | 4,852,224.000                                                                                                  | 5,526,144.000                                                                                                        | 2,261,260.800                                                                                   | 2,935,180.800                                                                                                                     |
| 10                                                                                                         | Gia Lâm                  | 176                           | 246                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,166,732.800                                                  | 5,930,496.000                                                                                                  | 8,289,216.000                                                                                                        | 2,763,763.200                                                                                   | 5,122,483.200                                                                                                                     |
| 11                                                                                                         | Hoài Đức                 | 181                           | 256                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,256,696.800                                                  | 6,098,976.000                                                                                                  | 8,626,176.000                                                                                                        | 2,842,279.200                                                                                   | 5,369,479.200                                                                                                                     |
| 12                                                                                                         | Phú Xuyên                | 249                           | 280                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 4,480,207.200                                                  | 8,390,304.000                                                                                                  | 9,434,880.000                                                                                                        | 3,910,096.800                                                                                   | 4,954,672.800                                                                                                                     |
| 13                                                                                                         | Thường Tín               | 270                           | 310                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 4,858,056.000                                                  | 9,097,920.000                                                                                                  | 10,445,760.000                                                                                                       | 4,239,864.000                                                                                   | 5,587,704.000                                                                                                                     |
| 14                                                                                                         | Ứng Hòa                  | 227                           | 258                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 4,084,365.600                                                  | 7,648,992.000                                                                                                  | 8,693,568.000                                                                                                        | 3,564,626.400                                                                                   | 4,609,202.400                                                                                                                     |
| 15                                                                                                         | Mỹ Đức                   | 202                           | 239                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 3,634,545.600                                                  | 6,806,592.000                                                                                                  | 8,053,344.000                                                                                                        | 3,172,046.400                                                                                   | 4,418,798.400                                                                                                                     |
| 16                                                                                                         | Thanh Trì                | 96                            | 176                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 1,727,308.800                                                  | 3,234,816.000                                                                                                  | 5,930,496.000                                                                                                        | 1,507,507.200                                                                                   | 4,203,187.200                                                                                                                     |
| 17                                                                                                         | Chương Mỹ                | 280                           | 372                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 5,037,984.000                                                  | 9,434,880.000                                                                                                  | 12,534,912.000                                                                                                       | 4,396,896.000                                                                                   | 7,496,928.000                                                                                                                     |
| 18                                                                                                         | Sơn Tây                  | 80                            | 112                            | 1,499.400                                                                   | 2,808.000                                                                        | 12              | 1,439,424.000                                                  | 2,695,680.000                                                                                                  | 3,773,952.000                                                                                                        | 1,256,256.000                                                                                   | 2,334,528.000                                                                                                                     |
|                                                                                                            | <b>Tổng</b>              | <b>3774</b>                   | <b>4654</b>                    |                                                                             |                                                                                  |                 | <b>67,904,827.200</b>                                          | <b>127,168,704.000</b>                                                                                         | <b>156,821,184.000</b>                                                                                               | <b>59,263,876.800</b>                                                                           | <b>88,916,356.800</b>                                                                                                             |